

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22835704] - Trang bị điện
(CCQ2433A)

CBGD: Nguyễn Khoa Đồng Khánh (110002)

Số SV có mặt: 15.....

Số bài thi: ...15.....

Số tờ giấy thi: 15.....

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2124330070	Trần Văn Công		28/04/2006	CCQ2433B		<i>Chia</i>	6,6	8,0	7,4
2	2124330039	Nguyễn Duy Đức		19/09/2004	CCQ2433A		<i>Vàng</i>	2,2	0,0	0,9
3	2124330038	Lê Văn Hiếu		11/09/2005	CCQ2433A		<i>Vàng</i>	0,9	0,0	0,4
4	2124330040	Nguyễn Quang Hiếu		08/12/2006	CCQ2433A		<i>Huân</i>	8,3	9,2	8,8
5	2124330102	Lê Việt Hoàng		10/03/2006	CCQ2433B					
6	2124330071	Nguyễn Văn Gia Huy		18/12/2006	CCQ2433B		<i>Huy</i>	5,6	6,0	5,8
7	2124330072	Đỗ Hoàng Khánh		26/04/2005	CCQ2433B		<i>Khánh</i>	7,0	7,8	7,5
8	2124330042	Trần Hoài Nam		08/04/2006	CCQ2433A		<i>Nam</i>	5,1	6,5	5,9
9	2124330068	Huỳnh Văn Nguyên		11/09/2006	CCQ2433B		<i>Phong</i>	7,0	7,3	7,2
10	2124330037	Nguyễn Tấn Phong		01/02/2006	CCQ2433A		<i>Phong</i>	8,7	9,3	9,1
11	2124330097	Thái Trường Sơn		02/11/2006	CCQ2433B		<i>Sơn</i>	3,6	6,0	5,0
12	2124330076	Đạo Hoàng Thanh Thăng		22/10/2006	CCQ2433B		<i>Thăng</i>	6,5	6,5	6,5
13	2122050124	Võ Đức Thịnh		12/12/2004	CCQ2205D		<i>Thịnh</i>	7,9	8,5	8,3
14	2124330073	Đàng Đức Tiến		25/03/2006	CCQ2433B		<i>Tiến</i>	7,6	8,4	8,1
15	2124330074	Nguyễn Huỳnh Trung Tín		18/09/2006	CCQ2433B		<i>Tín</i>	8,3	9,0	8,7
16	2122150019	Nguyễn Minh Trí		01/11/2003	CCQ2215B					
17	2124330075	Phan Chí Trí		10/03/2006	CCQ2433B		<i>Trí</i>	5,1	7,1	6,3
18	2124330041	Nguyễn Xuân Trường		08/09/2006	CCQ2433A		<i>Trường</i>	8,5	8,5	8,5
19	2122050016	Hồ Minh Tuấn		22/08/2004	CCQ2205A					
20	2124330077	Lê Anh Vũ		19/08/2006	CCQ2433B		<i>Vũ</i>	5,2	7,3	6,5

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22835702] - Trang bị điện
(CCQ2433B)

CBGD: Trần Thế Hoàng (280004)

Số SV có mặt: 18

Số bài thi: 18

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2124330043	Nguyễn Hải	Bằng	14/04/2006	CCQ2433B	Bằng	9,0	8,5	8,7
2	2124330060	Nguyễn Chí	Đạt	08/02/2005	CCQ2433B	Đạt	9,0	8,0	8,4
3	2124330059	Phạm Anh	Đạt	08/05/2006	CCQ2433B	Đạt	8,5	8,0	8,2
4	2124330062	Võ Đăng Thành	Đạt	08/03/2002	CCQ2433B	Đạt	8,1	7,5	7,8
5	2124330053	Võ Nhật Quang	Hải	24/01/2006	CCQ2433B				
6	2124330045	Võ Minh	Hiên	23/06/2006	CCQ2433B	Hiên	8,8	7,5	8,0
7	2124330046	Phạm Ngọc	Hóa	24/04/2003	CCQ2433B	Hóa	9,0	7,5	8,1
8	2124330049	Chu Gia	Huy	25/01/2006	CCQ2433B	Huy	8,3	7,5	7,8
9	2124330048	Trương Đan	Huy	06/11/2005	CCQ2433B	Huy	8,1	7,5	7,8
10	2124330067	Ngô Võ Xuân	Khôi	19/06/2006	CCQ2433B	Khôi	8,0	8,0	8,0
11	2124330050	Cao Hữu Gia	Nghĩa	11/04/2006	CCQ2433B	Nghĩa	8,8	8,5	8,6
12	2124330047	Nguyễn Văn	Phát	30/04/2006	CCQ2433B	Phát	8,5	8,0	8,2
13	2124330063	Nguyễn Hoàng	Phú	29/01/2006	CCQ2433B				
14	2124330057	Nguyễn Mạnh	Thắng	03/04/2006	CCQ2433B	Thắng	8,3	8,0	8,7
15	2124330052	Phan Văn	Thắng	25/11/2005	CCQ2433B	Phan Văn	7,5	5,5	6,3
16	2124330061	Nguyễn Phạm	Thanh	25/10/2006	CCQ2433B	Thanh	9,0	8,0	8,4
17	2124330066	Vũ Xuân	Thành	07/07/2006	CCQ2433B	Thành	8,9	8,0	8,4
18	2124330054	Nguyễn Văn	Thạnh	31/07/2006	CCQ2433B	Thạnh	8,1	8,5	8,4
19	2124330065	Nguyễn Đức	Trọng	05/08/2006	CCQ2433B	Trọng	8,3	8,0	8,1
20	2124330064	Nguyễn Việt	Trọng	02/07/2006	CCQ2433B	Trọng	7,8	8,0	7,9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22835705] - Trang bị điện
(CCQ2433C)

CBGD: Trần Thế Hoàng (280004)

Số SV có mặt: 15
Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2123150067	Lê Nhật Anh	25/08/2005	CCQ2315B			8,8	8,0	8,3
2	2123050142	Đỗ Thanh Cao	22/06/2005	CCQ2305D			8,6	9,0	8,8
3	2123150030	Nguyễn Thành Đạt	17/08/2005	CCQ2315A			8,0	7,0	7,4
4	2123150050	Phạm Ngọc Hiền	14/03/2005	CCQ2315B		Hiền	9,0	7,0	7,8
5	2123150021	Nguyễn Thành Lộc	08/05/2003	CCQ2315A			7,8	8,0	7,9
6	2123150023	Tô Hữu Lực	29/01/2005	CCQ2315A			8,8	7,0	7,7
7	2123060174	Phạm Hồ Xuân	06/09/2005	CCQ2306A					
8	2123150063	Phan Huy Sang	08/03/2005	CCQ2315B			7,5	7,0	7,2
9	2123150046	Phan Thành Sỹ	24/07/2005	CCQ2315B			8,8	6,0	7,1
10	2122050006	Nguyễn Duy Tiền	09/01/2003	CCQ2205A		Tiền	7,3	9,0	8,3
11	2123150038	Trào Công Trình	20/10/2005	CCQ2315B		TRÌNH	6,3	5,0	5,5
12	2122050014	Huỳnh Văn Trường	07/01/2004	CCQ2205A			8,3	9,0	8,7
13	2120050139	Đỗ Quốc Trọng	30/07/2002	CCQ2005D			8,8	9,0	8,9
14	2121060024	Nguyễn Việt Tuấn	12/10/2003	CCQ2106A			7,8	6,0	6,7
15	2123150024	Võ Anh Tuấn	19/11/2005	CCQ2315A		Tuấn	8,3	6,5	7,2
16	2123150052	Trần Long Vĩ	04/05/2005	CCQ2315B			8,5	5,0	6,4

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viễn chấm thi 1 G.Viễn chấm thi 2

Môn học : [22835701] - Trang bị điện
(CCQ2433A)

CBGD: Trần Thế Hoàng (280004)

Số SV có mặt: 15...

Số bài thi:15...

Số tờ giấy thi:.....

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2124330012	Dương Hữu Bảo	22/09/2004	CCQ2433A			8,8	9,0	8,9
2	2124330016	Trần Phước Bảo	06/09/2006	CCQ2433A					
3	2124330018	Phạm Thế Hào	07/07/2006	CCQ2433A					
4	2124330020	Khổng Vũ Tiến	27/11/2005	CCQ2433A		Hùng	8,1	9,0	8,6
5	2124330035	Lê Quốc Huy	29/06/2006	CCQ2433A		Huy	8,9	9,0	9,0
6	2124330027	Nguyễn Văn Khánh	12/12/2005	CCQ2433A			7,3	9,0	8,3
7	2124330025	Đào Tiến Lãm	08/07/2005	CCQ2433A		Lãm	8,9	7,5	8,1
8	2124330022	Lê Quốc Long	03/01/2006	CCQ2433A			8,6	9,0	8,8
9	2124330026	Hồ Văn Ninh	26/03/2006	CCQ2433A			7,8	9,0	8,5
10	2124330014	Hồ Minh Phú	14/02/2006	CCQ2433A					
11	2124330028	Nguyễn Thanh Quy	05/02/2006	CCQ2433A		Quy	8,6	8,5	8,5
12	2124330036	Huỳnh Nguyễn Hữu Quý	16/06/2005	CCQ2433A		Quý	8,5	8,5	8,5
13	2124330017	Nguyễn Quang Quyền	19/12/2006	CCQ2433A					
14	2123050090	Đỗ Nhật Tân	19/04/2005	CCQ2305C			8,8	9,0	8,9
15	2124330033	Lê Hoàng Thắng	10/09/2006	CCQ2433A		Thắng	8,3	6,0	6,9
16	2124330011	Nguyễn Văn Thành	11/03/2004	CCQ2433A		Thành	7,6	7,0	7,2
17	2124330015	Nguyễn Hoàng Thống	18/02/2006	CCQ2433A					
18	2124330010	Nguyễn Thành Toàn	10/11/2006	CCQ2433A		Toàn	9,0	8,5	8,7
19	2124330030	Châu Đạo Thiên	07/06/2006	CCQ2433A			8,9	8,5	8,7
20	2124330001	Khổng Bảo Tuấn	16/02/1999	CCQ2433A		Tuấn	9,0	9,0	9,0